TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 172/2019/HSST
Ngày 16/10/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm tham gia phiên tòa: 1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 156/2019/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 1994; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; Anh em ruột có 03 người kể cả bị cáo; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 01/4/2019 đến nay, bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lương Đình N, sinh ngày 1990; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 75, khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: Mù chữ; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Con ông: Lương Minh N và bà Võ Thị Q; Anh em ruột có 09 người kể cả bị cáo; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/01/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "cướp giật tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2011; (đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 02/4/2019 đến nay, bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: 1. Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1943; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Trần Xuân A, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hải Đ bắt đầu sử chất ma túy từ tháng 01/2019, Đ nhiều lần liên lạc với tên Trung (chưa rõ lai lịch) để mua chất ma túy sử dụng. Từ tháng 3/2019, Đ liên lạc với tên Trung và Lương Đình N mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người nghiện để có tiền tiêu xài. Để mua bán chất ma túy, Đ cho người nghiện số điện thoại 0965039311 để liên hệ giao giao dịch, giao ma túy và nhận tiền. Bằng phương thức trên, Đ đã bán chất ma túy cho Ngô Thị Kim C 02 lần và nhiều người nghiện khác không rõ họ tên lai lịch, thu lợi bất chính từ đầu tháng 3/2019 đến ngày bị bắt được số tiền 3.000.000đ; cụ thể:

Lần 1: Trưa ngày 28/3/2019, Ngô Thị Kim C nhắn tin, gọi điện cho Đ để hỏi mua một hộp chất ma túy với giá 2.700.000đ và yêu cầu Đ mang chất ma túy đến chỗ C thuê ở trọ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện C để giao ma túy và nhận tiền. Đ đồng ý và gọi điện thoại cho tên Trung hỏi mua 01 hộp ma túy với giá 2.500.000đ, tên Trung đồng ý bán ma túy cho Đ; Đ yêu cầu tên Trung mang ma túy đến tiệm sửa xe của Đ tại: Lộ 5, ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi để giao cho Đ, Đ sẽ mang ma túy bán cho C và đem tiền về trả cho Trung. Sau khi thỏa thuận xong, Trung gọi điện cho Lương Đình N đến khách sạn Thanh Hiền thuộc xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi lấy chất ma túy đem bán cho Đ. Lương Đình N đồng ý và điều khiển xe gắn máy biển số 29L1-9570 đến khách sạn Thanh Hiền gặp Trung và nhận 01 gói nylong chứa chất ma túy mang đến tiệm sửa xe bán cho Đ. Sau khi nhận gói ma túy, Đ nhờ N chở Đ đến nhà trọ của C để giao ma túy. C nhận gói ma túy và trả số tiền 800.000đ cùng 01 cái điện thoại di động cho đủ số tiền 2.700.000đ. Đ đưa cho N số tiền 800.000đ cùng 01 cái điện thoại di động trên, N lấy tiền, điện thoại và đưa lại cho Đ 150.000đ. N đem tiền về giao lại cho Trung và được Trung cho 100.000đ.

Lần 2: Vào ngày 31/3/2019, Đ gọi điện thoại cho N hỏi mua 500.000đ chất ma túy để sử dụng và bán lại cho các con nghiện, N đồng ý và thông báo cho tên Trung biết, Trung nhờ N đến khách sạn Thanh Hiền mang chất ma túy đem bán cho Đ. N điều khiển xe gắn máy biển số 29L1-9570 đến khách sạn Thanh Hiền gặp Trung và nhận 01 gói nylong chứa chất ma túy mang đến đường giao thông nông thôn thuộc: Ấp Bến Đò 1, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi giao cho Đ và nhận số tiền 500.000đ mang về cho tên Trung. Lần này, tên Trung không trả tiền công cho N. Riêng Đ sau khi có ma túy thì lấy một ít sử dụng, phần còn lại bán cho 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) lấy số tiền 500.000đ.

Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, Đ gọi điện cho tên Trung hỏi mua 800.000đ ma túy, tên Trung đồng ý bán và yêu cầu Đ đến trước khách sạn Thanh Hiền giao nhận tiền và ma túy. Đ điều khiển xe gắn máy đến chỗ hẹn gặp người phụ nữ tên Bi (chưa rõ lai lịch) để giao số tiền 800.000đ và nhận 01 gói ny long có chứa chất ma túy, về nhà Đ phân làm 08 gói nhỏ, cất trong bóp để bán cho các con nghiện thì bị bắt quả tang.

Lần thứ 3: Vào khoảng 14 giờ ngày 01/4/2019, Ngô Thị Kim C nhắn tin và gọi điện cho Đ hỏi mua một hộp ma túy với giá 1.700.000đ, yêu cầu Đ mang đến phòng trọ số 6 tại: Số 75A, Khu phố 3, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi để giao ma túy, nhận tiền và Đ đồng ý. Sau đó, Đ gọi điện cho N hỏi mua hộp ma túy với giá 1.500.000đ và yêu cầu N mang ma túy ra hồ bơi Sài Gòn Cáp, thuộc xã Tân Thông Hội để giao ma túy cho Đăng đi bán lấy tiền về trả sau thì Nghĩa đồng ý. Nghĩa gọi điện cho tên Trung thông báo việc Đ hỏi mua chất ma túy, tên Trung đồng ý và nhờ N đến khách sạn Thanh Hiền nhận chất ma túy đem bán cho Đ. N điều khiển xe gắn máy biển số 29L1-9750 đến phòng 205, khách sạn Thanh Hiền gặp tên Trung nhận 01 gói nylong chứa chất ma túy mang đến lộ 7, ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi giao cho Đ; tiếp đó N quay lại tiệm sửa xe của Đ ngồi chờ Đ đi bán ma túy đem tiền về trả. Đ sau khi nhận ma túy điều khiển xe gắn máy biển số 51K2-8868 đến phòng trọ số 6 tại: Số 75A, Khu phố 3, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi để giao cho C và lấy tiền. Đến nơi, Đ thấy C đang nằm trên tấm nệm, mặt quay lưng vào trong, Đ nói với C là có ma túy rồi, sau đó bỏ ma túy trên tấm nệm. C chưa nhận được ma túy và chưa giao tiền thì lực lượng Công an huyện Củ Chi kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

Tịch thu của Đ: 02 gói niêm phong mang số vụ 828/2019 (gói 01) và 828/2019 (gói 02), có chữ ký niêm phong của giám định viên và cán bộ điều tra; điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương đã qua sử dụng có imei số 357927/04/872861/5; 01 xe gắn máy hiệu Dream màu bạc biển số 51K2-8868, số khung RRK0CG5X002277, số máy C100UDE1089703; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 280.000đ.

Tịch thu của N: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đã qua sử dụng; 01 xe gắn máy loại Wave, biển số 29L1-9750, số máy HD1P53FMH-Y0017561, số khung: không tìm thấy; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 450.000đ.

Tại kết quả giám định số 828/KLGĐ-H ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu chứa trong gói 01 là 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký nghi tên Nguyễn Hải Đ và hình dấu của Công an thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi gởi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4942g, loại Methamphetamine;

Tinh thể không màu chứa trong gói 02 là 08 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký nghi tên Nguyễn Hải Đ và hình dấu của Công an thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi gởi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,8374g, loại Methamphetamine.

Tổng trọng lượng ma túy là: 3,3316g, loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên Tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Hải Đ và Lương Đình N đã thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.

Tại bản cáo trạng số 144/CTr/VKS-HS ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố Nguyễn Hải Đ và Lương Đình N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo như bản cáo trạng, đồng thời nhận định hành vi của các bị cáo không có tính chất đồng phạm có tổ chức, chỉ mang tính đồng phạm giản

đơn, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt Nguyễn Hải Đ và Lương Đình N mỗi bị cáo từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên Tòa, các bị cáo Nguyễn Hải Đ và Lương Đình N không có ý kiến tranh luận và các bị cáo nói lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù để các bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hải Đ và Lương Đình N đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đã thể hiện: Bị cáo Nguyễn Hải Đ đã có 03 lần có hành vi mua chất ma túy để đem bán lại cho các con nghiện, thu lợi bất chính số tiền 3.000.000đ (01 lần bắt quả tang và 02 lần trước đó), cụ thể vào các ngày: 28/3/2019 (bán cho C), 31/3/2019 (bán cho người nghiện không rõ lai lịch) và ngày 01/4/2019 (bán cho C).

Bị cáo Lương Đình N đã có 03 lần có hành vi mua chất ma túy để đem bán lại cho các con nghiện, thu lợi bất chính số tiền 100.000đ, cụ thể vào các ngày: 28/3/2019, 31/3/2019 và ngày 01/4/2019 như nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại kết quả giám định số 828/KLGĐ-H ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu chứa trong gói 01 là 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký nghi tên Nguyễn Hải Đ và hình dấu của Công an thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi gởi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4942g, loại Methamphetamine; Tinh thể không màu chứa trong gói 02 là 08 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký nghi tên Nguyễn Hải Đ và hình dấu của Công an thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi gởi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,8374g, loại Methamphetamine.

Tổng trọng lượng ma túy là: 3,3316g, loại Methamphetamine.

Bằng hành vi trên, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Hải Đ và Lương Đình N đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội danh và hình phạt của các bị cáo được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, khi sử dụng vào cơ thể sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của con người nên Nhà nước có chính sách quản lý độc quyền và nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, sử dụng, mua bán chất ma tuý và chế phẩm ma tuý. Các bị cáo là người đủ 18 tuổi, bị cáo nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì bản thân nghiện chất ma túy, vì mục đích lợi nhuận mong muốn có tiền để sử dụng chất ma túy mà vi phạm pháp luật. Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội cố ý, bất chấp mọi hậu quả kể cả sự trừng trị của pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm hại đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nghĩ cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Mặc dù hành vi của bị cáo Đ và bị cáo N có tính chất đồng phạm, có sự liên lạc, liên hệ để đi mua ma túy và cùng đi giao ma túy để nhận nhận tiền từ người mua, nhưng không mang tính tổ chức và không có sự phân công cụ thể nên không xem xét yếu tố đồng phạm có tổ chức trong hành vi của các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Đ là người chủ động cho số điện thoại di động để các con nghiện liên lạc trực tiếp với bị cáo Đ mua ma túy, sau đó Đ mới liên hệ với bị cáo N để N mua ma túy cho Đ. Mặc khác tại phiên Tòa, bị cáo Đ khai từ tháng 3/2019 đến ngày bị bắt, bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho các con nghiện khác (ngoài C) nhưng không rõ họ tên, lai lịch của họ và thu lợi bất chính được số tiền 3.000.000đ. do đó, xét tính chất, mức độ hành vi của của bị cáo Đ là nguy hiểm hơn bị cáo N.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Đ: Không có.

Đối với bị cáo N: Không có.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Đ, N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân:

Đối với bị cáo Đ: Chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo N: Ngày 21/01/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "cướp giật tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2011 và đã xóa án tích.

[5] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo là những người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Về khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự: Bị cáo Đ tự nguyện nộp vào ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính là 3.000.000đ, buộc bị cáo N tự nguyện nộp vào ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính là 100.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên nghi nhận.

[6] Đối với Ngô Thị Kim C có hành vi liên lạc mua chất ma túy của bị cáo Đ nhưng chưa nhận được chất ma túy, nên chưa đủ căn cứ để xử lý về mặt hình sự; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã chuyển hồ sơ giao Công an huyện Củ Chi xử phạt hành chính đối với Chi về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo thẩm quyền; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

Đối với 02 đối tượng tên Trung và Bi, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tiếp tục xác minh điều tra xử lý sau; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Đối với 02 gói niêm phong mang số vụ: 828/2019/ Củ Chi (gói 1) và 828/2019/ Củ Chi (gói 2) có chữ ký, niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra; Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương đã qua sử dụng có imei số 357927/04/872861/5, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đã qua sử dụng các bị cáo đã sử dụng 02 điện thoại trên để liên lạc mua bán trái phép chất ma tuý; Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 280.000đ thu của bị cáo Đ và 450.000đ thu của bị cáo N là thuộc quyền sở hữu của các bị cáo, xét thấy không liên quan vụ án; Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo Đăng và bị cáo Nghĩa theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với: 01 xe gắn máy hiệu Dream màu bạc biển số 51K2-8868, có đăng ký chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Đức N; ông N khai đã bán chiếc xe trên cho người khác vào năm 2010 không rõ họ tên và ông không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên; kết luận giám định xác định xe bị băm số máy, không xác định số nguyên thủy. Đối với 01 xe gắn máy biển số 29L1-9750, số máy HD1P53FMH-Y0017561, số khung bị mày đục không xác định được số nguyên thủy nên không xác định chủ sở hữu hợp pháp. Bị cáo Đ và bị cáo N đã sử dụng 02 xe máy trên để làm phương tiện mua bán trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải Đ và bị cáo Lương Đình N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lương Đình N 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy 02 gói niêm phong mang số vụ: 828/2019/ Củ Chi (gói 1) và 828/2019/ Củ Chi (gói 2) có chữ ký, niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 125/PNK ngày 23/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi).

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương đã qua sử dụng có imei số 357927/04/872861/5; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đã qua sử dụng; 01 xe gắn máy hiệu Dream màu bạc biển số 51K2-8868, số khung RRK0CG5X002277, số máy C100UDE1089703; 01 xe gắn máy loại Wave biển số 29L1-9750, số máy HD1P53FMH-Y0017561, số khung không tìm thấy (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 125/PNK ngày 23/7/2019 của của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi).

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hải Đ số tiền 280.000đ, trả lại cho bị cáo Lương Đình N số tiền 450.000đ (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 125/PNK ngày 23/7/2019 của của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi).

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Hải Đ phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000đ, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lương Đình N phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 100.000đ. Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Hải Đ và Lương Đình N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Hải Đ, bị cáo Lương Đình N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

(20 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan